

LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ

NGUYỄN XUÂN TRUNG. **Một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam giai đoạn 2011-2020**

Chuyên ngành: Kinh tế phát triển

Mã số: 62.31.05.01

Việt Nam đang bước vào giai đoạn phát triển mới với Chiến lược phát triển kinh tế xã hội 10 năm 2011-2020, nhấn mạnh mục tiêu phát triển nhanh, bền vững và chú trọng đến phát triển theo chiều sâu, đưa nước ta về cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020. Trong bối cảnh đó, chiến lược thu hút, quản lý và sử dụng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) được xem là một bộ phận cấu thành quan trọng của chiến lược phát triển kinh tế xã hội nhằm đảm bảo thực hiện các mục tiêu cơ bản đã đề ra. Do đó, nghiên cứu về FDI luôn có ý nghĩa và cần thiết về lý luận cũng như thực tiễn. Hiện nay, đã có nhiều công trình nghiên cứu về FDI tại Việt Nam song chưa có công trình nào nghiên cứu toàn diện chất lượng FDI vào Việt Nam sau khủng hoảng kinh tế thế giới và đặt FDI trong bối cảnh mới. Nhằm bổ sung vào khoảng trống trên, trong luận án tiến sĩ của mình, nghiên cứu sinh Nguyễn Xuân Trung đã chọn đề tài “Một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam giai đoạn 2011-2010”.

Ngoài phần mở đầu, kết luận, phụ lục và tài liệu tham khảo, luận án gồm 3 chương.

Chương 1 (tr.11-53): *đầu tư trực tiếp nước ngoài và chất lượng đầu tư trực tiếp nước ngoài*, khái quát một số vấn đề lý luận về FDI và FDI chất lượng (các khái niệm, đặc điểm, các yếu tố ảnh hưởng và nội dung đánh giá chất lượng FDI) và kinh nghiệm quốc tế về thu hút, quản lý và sử dụng FDI chất lượng. Từ đó, rút ra bài học cho Việt Nam.

Hoạt động FDI đã trở nên phổ biến hiện nay. Bản chất của hoạt động này là một nhưng có nhiều cách hiểu khác nhau tùy theo từng khía cạnh xem xét. Hệ thống lại các khái niệm, tác giả đã khái quát hóa về FDI: *FDI là hình thức đầu tư dài hạn của nhà đầu tư vào một nền kinh tế khác bằng việc đưa vốn bằng tiền hoặc bất kỳ tài sản nào vào nền kinh tế đó. Cá nhân hay công ty nước ngoài đó sẽ nắm quyền quản lý cơ sở sản xuất kinh doanh này*. Như vậy, FDI bao giờ cũng là một dạng quan hệ kinh tế có nhân tố nước ngoài với hai đặc điểm cơ bản là: có sự dịch chuyển tư bản trong phạm vi quốc tế và chủ đầu tư (pháp nhân, thể nhân) trực tiếp tham gia vào hoạt động sử dụng vốn và quản lý đối tượng đầu tư.

Bên cạnh đó, luận án cũng đưa ra khái niệm “chất lượng FDI” gắn với phát triển bền vững tại Việt Nam, đó là: *“Sự phản ánh tổng thể mức độ đóng góp của FDI đối với phát triển bền vững ở nước nhận đầu tư trong điều kiện và hoàn cảnh nhất định”*.

FDI chất lượng trước hết cũng mang đặc điểm của FDI thông thường. Tuy nhiên, FDI chất lượng cũng có những

đặc điểm mang tính riêng biệt: thứ nhất, chất lượng FDI theo khái niệm trên mang tính chủ quan, nó là một khái niệm “động”; thứ hai FDI chất lượng thường thuộc về hình thức Đầu tư mới (GF) chứ không phải là hình thức Mua lại và Sáp nhập (M&A) vì GF thường tạo ra năng lực sản xuất mới. FDI chất lượng thường là những dự án đầu tư vào lĩnh vực thâm dụng vốn, ít rơi vào những dự án thâm dụng lao động hay khai thác tài nguyên khoáng sản.

Ngoài ra, chất lượng FDI phụ thuộc vào những yếu tố của nước nhận đầu tư (chính sách của nước tiếp nhận đầu tư; khả năng đối ứng của doanh nghiệp trong nước; cơ sở hạ tầng cứng và mềm có hấp dẫn để thu hút đầu tư và giúp các nhà đầu tư phát huy thế mạnh,...) và nhà đầu tư (mục tiêu và năng lực thực sự của nhà đầu tư).

Từ phân tích kinh nghiệm quốc tế (trường hợp Trung Quốc và Mỹ Latinh), Luận án rút ra bài học cho Việt Nam: cần có mục tiêu đối với FDI cho từng giai đoạn phát triển, lựa chọn dự án FDI cho phù hợp mục tiêu đó; tập trung nhiều hơn cho việc thu hút các công ty xuyên quốc gia (TNC) hàng đầu thế giới (tận dụng tối đa khả năng công nghệ, kinh nghiệm và nền tảng sản xuất kinh doanh của các TNC này); FDI phải hướng đến phát triển cân đối các ngành, các vùng (kinh nghiệm từ Trung Quốc cho thấy nước này không quá mất cân đối về ngành nhưng mất cân đối nghiêm trọng về vùng miền. Còn các nước Mỹ Latinh quá mất cân đối về ngành/lĩnh vực trong khi họ ít mất cân đối về vùng miền hơn); xây dựng các khu vực kinh tế tự do (khu vực kinh tế đặc biệt) thật sự khác biệt so với bên ngoài với cơ sở

pháp lý, hạ tầng cứng và mềm hoàn thiện để thu hút FDI.

Chương 2 phân tích *thực trạng chất lượng FDI tại Việt Nam giai đoạn 2001-2010* (tr.54-136).

Tác giả trình bày tổng quan về thu hút FDI giai đoạn 2001-2010: Từ năm 2001, FDI vào Việt Nam vẫn còn thấp do dư âm của khủng hoảng tài chính châu Á 1997-1998. Cho đến năm 2004, FDI vào Việt Nam bắt đầu hồi phục và tăng trưởng cao. Những mốc quan trọng tác động tích cực đến FDI vào Việt Nam là khi Việt Nam ký Hiệp định thương mại với Hoa Kỳ (12/2001), Luật đầu tư (chung) có hiệu lực (2006), đặc biệt năm 2007 khi Việt Nam gia nhập WTO, FDI đăng ký vào Việt Nam tăng nhanh trước khi suy giảm do khủng hoảng kinh tế toàn cầu năm 2008. So sánh với thế giới và khu vực, thành tích thu hút FDI của Việt Nam là đáng kể tuy con số thu hút FDI chưa thể phản ánh chính xác, vì: 1) Con số ảo; 2) Giới hạn hấp thụ vốn của nền kinh tế Việt Nam; 3) Quy mô dự án và 4) chưa đạt yêu cầu định hướng (định hướng vào những ngành công nghệ cao, giá trị gia tăng lớn chưa đạt được).

Đánh giá về chất lượng FDI giai đoạn 2001-2020, luận án tập trung vào các nội dung: (i) Hiệu quả sử dụng vốn và phát triển kinh tế; (ii) FDI với ngân sách nhà nước; (iii) FDI với các cân đối vĩ mô; (iv) FDI với nâng cao năng lực công nghệ; (v) Liên kết của doanh nghiệp FDI với doanh nghiệp Việt Nam trong chuỗi giá trị; (vi) FDI với lao động và một số vấn đề xã hội; (vii) Vấn đề bảo vệ môi trường.

Qua phân tích và đánh giá các nội dung về chất lượng FDI, tác giả nhận định: Theo mục tiêu phát triển hiện tại,

FDI đã thỏa mãn và vượt các mục tiêu đề ra về mặt số lượng nhưng chất lượng còn hạn chế. Hiệu quả đồng vốn được triển khai rất thấp. Khu vực FDI mặc dù tạo ra nhiều việc làm nhưng vẫn bị đánh giá là chưa tương xứng với vị thế của nó ở thị trường Việt Nam. Phần lớn công việc của khu vực FDI vẫn là lao động giản đơn. Đặc biệt, khu vực FDI được đánh giá chưa tạo ra sự chuyển giao công nghệ, chưa giúp khu vực doanh nghiệp trong nước của Việt Nam phát triển và gia nhập vào chuỗi giá trị toàn cầu của các TNC. Ngoài ra, cũng phải kể đến sự tàn phá môi trường của khu vực này.

Như vậy, *chất lượng FDI tại Việt Nam thập kỷ qua thuộc loại thấp và không có sự cải thiện nhiều so với thập kỷ 1990*. Các doanh nghiệp FDI vào Việt Nam tuy đã thổi một luồng sinh khí mới vào các hoạt động sản xuất kinh doanh và tính cạnh tranh giữa các doanh nghiệp được đẩy mạnh, nhưng nhìn toàn cục và dài hạn thì lợi ích có từ FDI chắc chắn còn lớn hơn và sức lan tỏa còn mạnh hơn nữa. Còn nhìn FDI từ mục tiêu nâng cấp khả năng công nghệ, liên kết với doanh nghiệp trong nước, giúp các doanh nghiệp Việt Nam tham gia hiệu quả vào chuỗi giá trị toàn cầu - cái đáng được coi là mục tiêu hàng đầu của thu hút FDI trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa thì lại chưa nhiều.

Những hạn chế của khu vực FDI đều có những nguyên nhân: Đầu tiên, nổi lên những vấn đề thuộc về “mô hình phát triển hay cơ cấu nền kinh tế” của Việt Nam. Tiếp đến, cơ chế chính sách, pháp luật chưa đồng bộ, còn chồng chéo và hiệu quả thực thi còn thấp. Công tác quy hoạch nói chung và phân bố các dự

án FDI chưa rõ ràng và cũng chưa chấp hành nghiêm những chỉ đạo của cơ quan quản lý nhà nước. Ngoài ra cũng phải kể đến sự yếu kém của năng lực kinh tế trong nước. Việt Nam vẫn chưa có nền công nghiệp phụ trợ đáp ứng được yêu cầu. Cuối cùng, đó là môi trường kinh doanh không mấy thuận lợi, cơ sở hạ tầng còn yếu kém, các thủ tục đầu tư còn nhiều phiền toái, chất lượng nguồn nhân lực chưa đáp ứng được nhu cầu.

Trên cơ sở phân tích và làm rõ thêm lý luận về FDI và chất lượng FDI trong bối cảnh phát triển mới hiện nay và đánh giá chất lượng FDI tại Việt Nam trong giai đoạn 2001-2010 theo mục tiêu phát triển bền vững, luận án đưa ra những *quan điểm và giải pháp nâng cao chất lượng FDI tại Việt Nam giai đoạn 2011-2012* (chương 3, tr.137-176).

Thứ nhất, tác giả đưa ra *một số nhận định xu hướng FDI toàn cầu đến 2020* dựa trên bối cảnh quốc tế tác động đến FDI; chiến lược đầu tư ra nước ngoài của các TNC thời gian tới và triển vọng FDI toàn cầu.

Thứ hai là *chiến lược phát triển kinh tế xã hội của Việt Nam 2011-2020 và yêu cầu đặt ra đối với FDI*. Luận án chỉ rõ mục tiêu phát triển kinh tế xã hội thập kỷ tới sẽ chú trọng vấn đề chất lượng tăng trưởng, đảm bảo hài hòa giữa phát triển theo chiều rộng và chiều sâu và FDI phải hướng đến đáp ứng mục tiêu đó. Điều này có nghĩa, cơ cấu thu hút và việc sử dụng FDI phải được thay đổi.

Thứ ba là *các quan điểm đối với FDI: Một là*, khẳng định vai trò quan trọng của FDI đối với phát triển kinh tế xã hội của Việt Nam; *Hai là*, có chiến lược cụ thể đối với FDI; *Ba là*, nâng cao

chất lượng FDI phải gắn liền với với mô hình tăng trưởng; *Bốn là*, sàng lọc, không thu hút FDI bằng mọi giá; *Năm là*, sẵn sàng chấp nhận xu hướng FDI vào Việt Nam giảm đi hoặc không tăng vào thời gian tới; *Sáu là*, đặt yếu tố công nghệ lên ưu tiên hàng đầu trong thu hút FDI giai đoạn tới; *Bảy là*, tập trung thu hút nhiều TNC hàng đầu thế giới.

Thứ tư, luận án đưa ra 7 nhóm *giải pháp chủ yếu nâng cao chất lượng FDI*. Để nâng cao chất lượng FDI tại Việt Nam, một mặt phải thu hút thật nhiều nhà đầu tư có chất lượng cao, mặt khác phải nâng cấp các yếu tố trong nước (thể chế, luật pháp, doanh nghiệp nội địa, liên thông thị trường...) để hấp thụ một cách tốt nhất hiệu quả từ FDI.

- Các ban ngành và địa phương cần đồng thuận và thực hiện quyết liệt tái cấu trúc nền kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo tinh thần của Trung ương và chỉ đạo của Chính phủ.

- Nâng cao khả năng chuyển giao công nghệ từ các doanh nghiệp FDI. Biện pháp cốt lõi nhất chính là thực hiện các chính sách bình đẳng giữa các loại hình doanh nghiệp và chú trọng thu hút các dự án nghiên cứu và phát triển.

- Thu hút nhiều TNC hàng đầu thế giới đầu tư và thúc đẩy sự liên kết giữa doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp nước ngoài. Để thúc đẩy liên kết giữa doanh nghiệp nội địa và doanh nghiệp FDI, cần tăng cường khả năng thông tin, chú trọng các doanh nghiệp trong nước và nỗ lực tiếp cận các TNC, không ngừng đổi mới nâng cao chất lượng sản phẩm và phương thức cung cấp sản phẩm.

- Hoàn thiện hệ thống luật pháp, chính sách. Hệ thống luật pháp, chính

sách cần phải đồng bộ, minh bạch và thống nhất. Ngoài ra, cần có một số điều chỉnh luật và chính sách để thu hút và quản lý FDI tốt hơn trong chiến lược phát triển mới của Việt Nam.

- Nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với FDI.

Về mặt tổ chức quản lý: chính sách thu hút FDI cần phải định rõ những tiêu chuẩn kỹ thuật, tiêu chí về công nghệ và môi trường,... làm cơ sở cho các quyết định cấp giấy chứng nhận đầu tư.

Về giám sát, điều hành: tăng cường kiểm tra, giám sát việc quản lý và cấp phép dự án FDI ở các địa phương và tình hình thực hiện nghĩa vụ cũng như hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp đầu tư trực tiếp nước ngoài (FIE).

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực: chú trọng đào tạo nghề; cần có chiến lược và chính sách đón đầu trong đào tạo nguồn nhân lực; tuyên truyền, nhắc nhở cán bộ phải có tâm huyết và đồng thời có chế độ đãi ngộ tương xứng với trình độ và năng lực, hiệu quả công việc của từng cán bộ.

- Nâng cao chất lượng kết cấu hạ tầng: thực hiện có chọn lọc, ưu tiên cho các vùng kinh tế trọng điểm, tránh tình trạng dàn trải, thiếu đồng bộ; xây dựng những “Khu kinh tế tự do” thật sự khác biệt với bên ngoài Khu để thu hút FDI có chất lượng.

Luận án được bảo vệ thành công tại Hội đồng chấm luận án cấp Học viện, họp tại Học viện Khoa học xã hội, Viện Khoa học xã hội Việt Nam, tháng 03/2012.

TV.
giới thiệu